

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Transimex Logistics thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TOT
- Địa chỉ: 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0948 666 057
- Email: tmstrans.info@transimex.com.vn Website: transimextrans.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 4/năm 2022
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 17/1/2023 tại đường dẫn: transimextrans.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 4
- Văn bản giải trình



Nguyễn Hải Nhật



CTY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Mã số thuế: **0307821849**

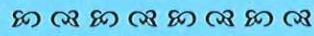
Đ/c: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Kp 7,

P. Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Ngành nghề KD: Vận tải đường bộ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV Năm 2022

(Niên độ: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/12/2022)

Stt	Tên hồ sơ	Số tờ
01	Bảng cân đối kế toán	04
02	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	01
03	Lưu chuyển tiền tệ	02
04	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	16

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý thuế
- Đơn vị kiểm toán
- Lưu Phòng kế toán

Ngày nhận:

Viên chức phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giám đốc



TRINH ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89,934,280,161	37,053,591,655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,766,050,251	8,589,988,661
1. Tiền	111		6,766,050,251	8,589,988,661
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79,874,191,609	25,878,715,936
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	24,352,142,897	18,078,914,184
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	6,992,652,909	1,058,461,567
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5a	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.6	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.7a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.8a	49,078,888,638	7,400,093,020
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.9	(549,492,835)	(658,752,835)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.10	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		253,221,531	390,044,872
1. Hàng tồn kho	141	V.11	253,221,531	390,044,872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.11	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,040,816,770	2,194,842,186
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	3,040,816,770	2,194,842,186
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.26	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	V.13	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.14a	-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66,436,406,413	37,593,864,390
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		201,827,000	246,827,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.15	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.5b	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.7b	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8b	201,827,000	246,827,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.9	-	-
II. Tài sản cố định	220		65,426,913,334	36,513,713,456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.16	65,337,850,832	36,513,713,456
- Nguyên giá	222		128,655,001,276	93,249,721,923
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63,317,150,444)	(56,736,008,467)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.17	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.18	89,062,502	-
- Nguyên giá	228		142,250,000	47,250,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53,187,498)	(47,250,000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.19	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.20	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.21	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		807,666,079	833,323,934
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	807,666,079	833,323,934
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.22	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.23	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.14b	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156,370,686,574	74,647,456,045

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		85,591,189,152	11,642,002,777
I. Nợ ngắn hạn	310		83,341,189,152	11,642,002,777
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.24a,c	48,893,887,614	4,858,789,222
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.25a	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.26	2,203,242,363	758,967,564
4. Phải trả người lao động	314	V.27	2,673,563,600	1,313,695,619
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.28a	1,885,335,442	106,266,568
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.29a	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	V.30	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.31a,c	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.32a,c	884,568,354	848,149,945
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.33a,c	26,375,000,000	3,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.34a	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.35	425,591,779	756,133,859
13. Quỹ bình ổn giá	323	V.36	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	V.37	-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,250,000,000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.24b,c	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.25b	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.28b	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.29b	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.31b,c	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.32b,c	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.33b,c	2,250,000,000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.38	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	V.39	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.40	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.34b	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.41	-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

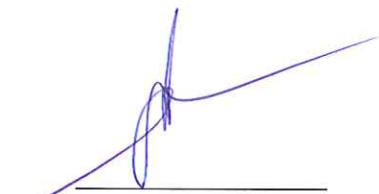
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70,779,497,422	63,005,453,268
I. Vốn chủ sở hữu	410		70,779,497,422	63,005,453,268
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.42	54,950,000,000	54,950,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54,950,000,000	54,950,000,000

21848
 CÔNG TY
 TNHH
 MEX
 TICS
 TỔ CHỨC

- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.42	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.38, 42	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.42	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.42	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.42	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.42	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.42	-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.42	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.42	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.42	15,829,497,422	8,055,453,268
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,208,953,268	4,090,044,475
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11,620,544,154	3,965,408,793
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.42	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.43	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.44	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156,370,686,574	74,647,456,045

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2022



Phạm Đông Đức
Người lập



Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
INCOME STATEMENT
QUÍ 4 NĂM 2022

Đơn vị tính: VND - Unit: VND

Chỉ tiêu Items	Mã số Code	QUÍ 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	61,849,496,599	26,530,063,997	160,985,172,733	103,297,853,096
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	61,849,496,599	26,530,063,997	160,985,172,733	103,297,853,096
4 Giá vốn hàng bán	11	42,375,340,809	22,367,405,689	126,033,300,698	87,552,169,839
5 Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	19,474,155,790	4,162,658,308	34,951,872,035	15,745,683,257
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,420,830	4,481,215	14,978,348	20,693,619
7 Chi phí tài chính	22	332,494,161	85,965,048	660,146,870	323,937,908
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	332,494,161	85,965,048	660,146,870	323,937,908
8 Chi phí bán hàng	25		30,600,000	3,282,000	30,600,000
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9,764,246,762	3,082,571,973	18,088,643,372	11,842,548,005
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	9,379,835,697	968,002,502	16,214,778,141	3,569,290,963
11 Thu nhập khác	31	-	788,000,000	109,462,963	3,324,645,113
12 Chi phí khác	32		836,866,542	3,252,125	872,639,138
13 Lợi nhuận khác	40	-	(48,866,542)	106,210,838	2,452,005,975
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9,379,835,697	919,135,960	16,320,988,979	6,021,296,938
<i>*Trong đó: thu góp vốn liên doanh được chia từ LNST</i>		-	-		
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,875,967,139	487,242,507	3,264,197,795	1,298,012,605
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	7,503,868,558	431,893,453	13,056,791,184	4,723,284,333

Lập biểu

Phạm Đông Đức

Kế toán Trưởng

Nguyễn Hải Nhật

Tp. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2022



GIAM ĐỐC

Trịnh Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÍ 4 NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Lũy kế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,320,988,979	6,021,296,938
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		9,157,142,317	7,510,470,396
- Các khoản dự phòng	03		(109,260,000)	658,752,835
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(2,557,057,257)
- Chi phí lãi vay	06		660,146,870	297,945,213
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26,029,018,166	11,931,408,125
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(85,694,720,463)	(4,303,221,248)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		136,823,341	(8,538,157)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		44,550,059,597	(219,790,305)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(820,316,729)	1,023,259,189
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(287,671,240)
- Tiền lãi vay đã trả	14		399,782,113	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.27	(1,300,000,000)	(2,019,220,469)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,436,247,030)	(654,970,454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18,135,601,005)	5,461,255,441
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,636,837,405)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		420,000,000	2,536,363,638
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-



6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	20,693,619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6,216,837,405)	2,557,057,257

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ	Lũy kế từ
			01/01/2022 đến 31/12/2022	01/01/2021 đến 31/12/2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		26,000,000,000	(3,000,000,000)
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		375,000,000	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,846,500,000)	(3,790,391,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22,528,500,000	(6,790,391,500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1,823,938,410)	1,227,921,198
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8,589,988,661	7,362,067,463
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6,766,050,251	8,589,988,661

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phạm Đông Đức
Người lập biểu

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 241 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 84 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi bù trừ với khoản phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước ngắn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Tiền mặt	962.700.615	1.648.136.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.803.349.636	6.941.852.294
Cộng	6.766.050.251	8.589.988.661

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	17.392.947.682	11.903.798.716
Công ty Cổ phần Transimex	17.217.737.682	11.285.460.830
Công ty Cổ phần Vinafreight	175.210.000	618.337.886
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	6.959.195.215	6.175.115.468
Cty TNHH RI TA VÕ	560.677.600	405.591.900
Cty TNHH TM Nhân Hoàng	136.442.880	529.422.382
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1.728.982.800	1.698.463.200
Khách hàng khác	4.533.091.935	3.541.637.986
Cộng	24.352.142.987	18.078.914.184

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHÚ HÙNG	4.201.815.643	-
CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN NAM	2.537.200.000	-
Các nhà cung cấp khác	253.637.266	1.058.461.567

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Cộng	6.992.652.909	1.058.461.567
4. Các khoản phải thu khác		
4a. Phải thu ngắn hạn khác		
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Phải thu ngắn hạn	32.311.759.645	4.945.889.498
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	321.980.000	173.880.000
Tạm ứng	16.445.148.993	2.280.323.522
Cộng	49.078.888.638	7.400.093.020
4b. Phải thu dài hạn khác		
Các khoản ký quỹ dài hạn.		
5. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động vận tải.		
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Chi phí dịch vụ dở dang	-	0
Hàng hóa	-	
Nguyên nhiên liệu, vật liệu	253.221.531	390.044.872
Cộng	253.221.531	390.044.872
6. Chi phí trả trước		
6a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Công cụ, dụng cụ	1.566.323.988	1.381.940.456
Chi phí bảo hiểm	671.876.146	371.894.071
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	802.616.636	441.007.659
Cộng	3.040.816.770	2.194.842.186
6b. Tài sản ngắn hạn khác		
Thuế GTGT được khấu trừ	-	0
Thuế và các khoản phải thu NN	-	0
Cộng	-	0
6c. Chi phí trả trước dài hạn		
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Chi phí sửa chữa	718.242.839	373.553.169
Các chi phí trả trước dài hạn khác	89.423.240	459.770.765
Cộng	807.666.079	833.323.934

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2022	350.000.000	340.000.000	92.293.721.923	266.000.000	93.249.721.923
Mua trong năm	-	683.400.000	37.125.442.195	270.000.000	37.538.842.195
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.673.562.842)	-	(2.673.562.842)
Số dư tại ngày 31/12/2022	350.000.000	1.023.400.000	126.745.601.276	536.000.000	128.655.001.276

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số dư tại ngày 01/01/2022	247.904.661	243.333.327	55.978.770.479	266.000.000	56.736.008.467
Khấu hao trong năm	102.095.339	125.749.992	8.923.359.488	0	9.151.204.819
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(2.570.062.842)	0	(2.570.062.842)
Số dư tại ngày 31/12/2022	350.000.000	369.083.319	62.332.067.125	266.000.000	63.317.150.444

Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 01/01/2022	102.095.339	96.666.673	36.314.951.444	0	36.513.713.456
Số dư tại ngày 31/12/2022	0	654.316.681	64.413.534.151	270.000.000	65.337.850.832

8. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số dư tại ngày 01/01/2022	47.250.000	47.250.000	-
Mua trong năm	95.000.000	-	89.062.502
Khấu hao trong năm	-	5.937.498	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	47.250.000	53.187.498	89.062.502

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

9. Chi phí XDCB dở dang

Chi phí mua sắm TSCĐ.

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số dư tại ngày 31/12/2022
Mua sắm tài sản cố định	-	36.749.861.405	(36.749.861.405)	-	-
Cộng	-	36.749.861.405	(36.749.861.405)	-	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	34.160.303.074	0
Công ty Cổ phần Transimex	34.160.303.074	0
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	14.733.584.540	5.089.066.800
Cty TNHH DV TM Xăng Dầu An Thịnh Phát	3.528.627.770	955.279.170
CN Cty Cổ phần TM Dịch vụ Hiệp Tân	310.202.191	520.838.252
Cty TNHH TMDV XNK Vinatruck	659.491.200	0
Cty TNHH NK và Phân Phối Saigontire	940.920.000	493.810.000
Các nhà cung cấp khác	9.294.343.379	3.119.139.378
Cộng	48.893.887.614	5.089.066.800

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2022
Thuế GTGT	152.565.932			196.624.537
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.371.369			1.920.523.951
Thuế thu nhập cá nhân	26.030.263			86.093.875
Các loại thuế khác				-
Cộng	758.967.564			2.203.242.363

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất 0%
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	<u>Quý 4.2022</u>	<u>Quý 4.2021</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.379.835.697	919.151.975
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	9.379.835.697	919.151.975
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	9.379.835.697	919.151.975
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.693.110.633	183.830.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm⁽ⁱ⁾		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.693.110.633	183.830.395

(i)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương và thu nhập khác còn phải trả người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Tại ngày 31/12/2022</u>	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.885.335.442	106.266.568
Cộng	1.885.335.442	106.266.568

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Tại ngày 31/12/2022</u>	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>
Kinh phí công đoàn	-	37.384.747
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.028.829	3.942.198

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	881.539.525	806.823.000
Cộng	884.568.354	848.149.945

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

Khoản vay của Công ty Cổ phần Transimex- công ty mẹ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2022
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Transimex	3.000.000.000	23.000.000.000		26.000.000.000
Shinghan Bank		750.000.000	(375.000.000)	375.000.000
Cộng	3.000.000.000	23.750.000.000	(375.000.000)	26.375.000.000

15b. Vay dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2022
Shinghan Bank		2.250.000.000		2.250.000.000
Cộng		2.250.000.000		2.250.000.000

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2022
Quỹ khen thưởng	699.133.859	1.436.247.030	(1.709.789.110)	425.591.779
Quỹ sinh hoạt HĐQT	57.000.000	234.000.000	(291.000.000)	-
Cộng	756.133.859	1.670.247.030	(2.000.789.110)	425.591.779

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54.950.000.000	7.936.544.475	62.886.544.475
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-757.875.540	-757.875.540
Chia cổ tức trong năm trước	-	-3.846.500.000	-3.846.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	4.723.284.333	4.723.284.333
Số dư tại ngày 31/12/2021	54.950.000.000	8.055.453.268	63.005.453.268

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	54.950.000.000	8.055.453.268	63.005.453.268
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	(1.436.247.030)	(1.436.247.030)
Chia cổ tức trong năm nay	-	(3.846.500.000)	(3.846.500.000)
Lợi nhuận còn lại năm nay	-	13.056.791.184	13.056.791.184
Số dư tại ngày 31/12/2022	54.950.000.000	15.829.497.422	70.779.497.422

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Công ty Cổ phần Transimex	41.475.000.000	41.475.000.000
Các cổ đông khác	13.475.000.000	13.475.000.000
Cộng	54.950.000.000	54.950.000.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 54.950.000.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Đại Thiên Sơn	98.740.000	98.740.000	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Ý tưởng của Bạn	281.896.460	281.896.460	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đức Hải	22.937.060	22.937.060	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Thương mại Giao nhận Vận tải Khánh Vân	267.710.000	267.710.000	Công ty đã giải thể
Cộng	671.283.520	671.283.520	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 4.2022	Quý 4.2021
	<u>61.849.496.599</u>	<u>26.534.545.212</u>
2. Giá vốn hàng bán	Quý 4.2022	Quý 4.2021
	<u>42.375.340.809</u>	<u>22.367.405.689</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 4.2022	Quý 4.2021
Khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn.	2.420.830	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

4. Chi phí tài chính	Quý 4.2022	Quý 4.2021
Chi phí lãi vay	332.494.161	85.965.048
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 4.2022	Quý 3.2021
Chi phí cho nhân viên	7.624.908.411	1.494.480.133
Chi phí đồ dùng văn phòng	350.647.609	423.315.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.937.498	43.749.999
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	1.031.637.410	705.663.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	199.721.992	18.933.267
Các chi phí khác	551.393.842	387.032.133
Cộng	9.764.246.762	3.073.174.047
6. Thu nhập khác		
7. Lãi trên cổ phiếu		
7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	Quý 4.2022	Quý 4.2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7 686 725 064	735.321.580
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.436.247.030	57.000.000
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.495.000	5.495.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	0	0
7b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.		
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 4.2022	Quý 4.2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.949.331.912	11.912.248.455
Chi phí nhân công	14.040.413.768	3.261.232.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.313.596.129	1.832.555.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.938.516.673	4.764.484.410
Chi phí khác	15.897.729.089	896.221.280
Cộng	52.139.587.571	

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Quý 4.2022

Quý 4.2021

22.666.741.488

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm nay VND (năm trước VND)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Mippec	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Vina
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.10 và V.15.


Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

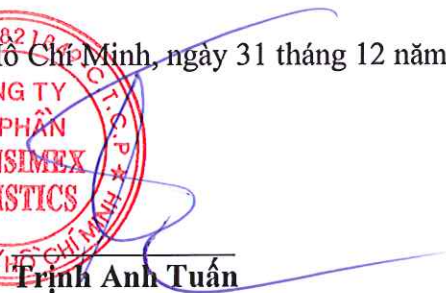
2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2022


Phạm Đông Đức
Người lập biểu


Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng


Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

